

CÁC THỂ LOẠI KỊCH BẢN TUỒNG NAM BỘ TRƯỚC 1945

ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang¹

¹ Giảng viên Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. HCM.

Cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX, tuồng (hay còn gọi là hát bội) đã hình thành và phát triển mạnh mẽ ở miền Bắc, miền Trung, sau đó lan nhanh đến miền Nam, “nghiễm nhiên là lương y của tâm hồn người dân Nam Bộ²”, “là nghệ thuật sân khấu hầu như duy nhất mà quan lại và nhân dân đều biết đến và có dịp thưởng thức qua các tuồng diễn bởi các đoàn hát bội ở các sân khấu trong rạp, ngoài trời hay các đình làng, chùa, miếu...³, ngay cả ở các vùng hẻo lánh miền Tây Nam Bộ cũng có tuồng hát bội trình diễn. Ảnh hưởng của tuồng là như vậy nhưng cho đến nay không có nhiều người biết về tuồng, trong đó có các kịch bản tuồng, thiết nghĩ đã đến lúc chúng ta cần phải tìm hiểu, nghiên cứu về tuồng nói chung và các kịch bản tuồng nói riêng. Vì vậy, trong bài viết này chúng tôi đi vào giới thiệu cách phân chia thể loại kịch bản tuồng ở Nam Bộ, ở mỗi thể loại chúng tôi giới thiệu một số kịch bản tuồng đã được dịch ra chữ Quốc ngữ giúp bạn đọc có thể hình dung về hệ thống các kịch bản, thấy được một bộ phận văn học với nhiều tác phẩm có giá trị nhưng đã bị lãng quên, đồng thời cũng thấy được việc cấp bách cần nghiên cứu để trả lại cho tuồng Nam Bộ một vị trí xứng đáng trong nền văn học nước nhà.

1. Lịch sử phân loại kịch bản tuồng

Trong lịch sử, tuồng có nhiều tên gọi khác nhau: *tuồng pho*, *tuồng cổ*, *tuồng cung đình*, *tuồng kinh*, *tuồng thầy*, *tuồng ngự*, *tuồng truyền thống*, *tuồng liên hồi*, *tuồng văn thân*, *tuồng tiểu thuyết*, *tuồng lịch sử*, *tuồng cải lương*, *tuồng dân gian*, *tuồng đồ*, *tuồng hài*, *tuồng cận đại*, *tuồng hiện đại*, *tuồng cải biên*, *tuồng cách mạng*, *tuồng công giáo*... Với nhiều tên gọi như vậy khiến cho việc phân loại kịch bản tuồng gặp nhiều khó khăn cũng như khiến người đọc rơi vào ma trận khó hiểu.

Trước năm 1975, việc phân loại tuồng chưa được các nhà nghiên cứu quan tâm. Người ta truyền tai nhau nhiều tên gọi khác nhau theo nhiều góc nhìn, nhiều quan điểm khác nhau, gọi theo chức năng của tuồng có *tuồng ngự* hay *tuồng cung đình* (tuồng biểu diễn cho vua xem), gọi theo độ dài ngắn có *tuồng liên hồi*, còn những vở tuồng mà có giá trị cao về đạo đức và giá trị văn học được gọi là *tuồng thầy*, *tuồng tổ*, *tuồng kinh điển*. Tuy nhiên, điều bất cập ở đây là một vở tuồng nếu nhìn về các bình diện khác nhau lại được gọi theo nhiều tên gọi khác nhau như *Son hậu* có thể gọi là *tuồng ngự*, *tuồng cung đình* (vì được biểu diễn cho vua xem), *tuồng liên hồi* (vì có 4 hồi), *tuồng thầy* (vì vở tuồng thường được đem dạy cho các diễn viên mới vào nghề), *tuồng kinh điển* (vì được biểu diễn nhiều lần).

² Chữ dùng của nhà thơ Bảo Định Giang, trích trong Mở đầu bài tựa *Tìm hiểu nghệ thuật tuồng* của Mịch Quang (sdd).

³ *Hát bội, đờn ca tài tử và cải lương, cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20*, Nguyễn Lê Tuyên, Nguyễn Đức Hiệp, Nxb. Văn hoá Văn nghệ TP. HCM, 2013, tr. 14.

Sau năm 1975, việc phân loại tuồng vẫn chưa được thống nhất. Mỗi học giả có một cách gọi riêng như Hoàng Châu Ký dựa vào thời gian xuất hiện, tác giả sáng tác và nội dung phản ánh ông phân các vở tuồng thành: *tuồng cổ*, *tuồng cung đình*, *tuồng dân gian*, *tuồng đồ*, *tuồng Văn thân*, *tuồng tân thời*, *tuồng cận đại*, *tuồng hiện đại*, *tuồng lịch sử*⁴. Trong khi đó năm 1980, nhà nghiên cứu Lê Ngọc Cầu trong cuốn *Tuồng hải*, dựa vào thời gian chia các vở tuồng trước năm 1945 thành hai loại: *tuồng cổ điển* (tuồng thầy) và *tuồng dân gian*. Ông cho rằng, sở dĩ tuồng có tên gọi là tuồng đồ là vì các tác giả ngày xưa không muốn gặp phiền phức với tác phẩm của mình nên không ai dám đứng tên, mà cứ cho đó là “một thứ đồ ngôn đồ thuyết của ai ai” ông cũng cho rằng cách phân loại của người xưa rất tùy tiện và không dựa trên một khái niệm rành mạch về từng loại. Tuy nhiên, một số vở tuồng trước năm 1945, không phải là tuồng cổ điển cũng không phải là tuồng thầy như *Tuồng Joseph* của Trương Minh Ký, *Kim Thạch kỳ duyên* của Bùi Hữu Nghĩa, *Thanh Lệ kỳ duyên* (1921), *Công chúa kén chồng* (1945) của Hồ Biểu Chánh. Nhà nghiên cứu Xuân Yển, dựa vào tính chất phân chia tuồng thành hai loại: Thứ nhất là *tuồng bác học*, từ bác học được dùng theo nghĩa phân biệt với bình dân. *Tuồng bác học* có thể được gọi là *tuồng thành văn*, đó là những vở được cố định tương đối trong các văn bản và tác giả của chúng chắc chắn thuộc tầng lớp trí thức. Thứ hai là *tuồng dân gian* gồm những vở được sáng tác tập thể, lưu truyền miệng”⁵.

Tuồng được chia làm hai bộ phận chính là *tuồng đồ* và *tuồng pho* là quan điểm của tác giả Đỗ Văn Rỡ trong bài viết *Nghệ thuật hát bội ở Thành phố từ xưa đến nay* (1998) và cũng là quan điểm của nhà nghiên cứu Đinh Bằng Phi trong cuốn *Nhìn về sân khấu hát bội Nam Bộ* (2005), ông cho rằng: “Phần nhiều tuồng hát bội của ta trích ở các truyện xưa Trung Quốc, được gọi là tuồng pho hay tuồng truyện. Một số ít tuồng ngoại lệ dựa theo hoàn cảnh xã hội xa xưa, hoặc đặt trong một chế độ phong kiến nào đó, rồi làm thành câu chuyện”. Theo ông, tuồng ở thế kỷ XIX được phân theo các thể loại: *tuồng truyện* (*tuồng pho*), *tuồng đồ* (*tuồng dân gian*), *tuồng cung đình* (*tuồng ngự*), *tuồng thầy* (*tuồng tổ*, *tuồng kinh điển*), *tuồng cương*. Còn về sau từ giữa thế kỷ XX, tuồng còn có một số thể loại như *tuồng tân thời*, *tuồng tiểu thuyết*, *tuồng xã hội*, *tuồng văn thân*, *tuồng lịch sử*, *tuồng mang nội dung cách mạng*... Năm 2006, nhà nghiên cứu Tôn Thất Bình phân chia các loại tuồng theo từng thế kỷ. Theo ông, những vở tuồng được sáng tác vào thế kỷ XIX được chia làm hai loại là *tuồng đồ* và *tuồng pho*. Trong đó *tuồng đồ* được chia làm hai loại nhỏ là *tuồng đồ bi hùng* (như tuồng *Son Hậu*, *Tam nữ đồ vương*, *Giang Chấn Tử*, *Trần Trá hôn*) và *tuồng đồ loại giễu* (như tuồng

⁴ Hoàng Châu Ký (1978), *Tuồng cổ*, tập 1, Nxb. Văn hoá, H, tr. 6-8.

⁵ Xuân Yển (1994), *Những vấn đề thẩm mỹ, đạo lý, xã hội trong tuồng cổ*, Nxb Sân khấu, tr. 30.

Nghêu – sò – ốc – hến, Trần Bô, Trương Đồ Nhục, Trương Ngáo). Tuồng pho gồm các vở tuồng *Phụng Nghi Đình, Tiết Nhơn Quý Chinh Đông, Tam Quốc, Tây du, Tống Dịch Thanh* v.v.. Bên cạnh đó ông cũng cho rằng tuồng thế kỷ XIX cũng có một số biệt loại như *tuồng ngựa, tuồng thầy, tuồng trường thiên*. Thế kỷ XX, còn có tuồng *tuồng phóng tác, tuồng lịch sử, tuồng tiểu thuyết, tuồng hiện đại, tuồng tích dân gian*. Ngoài các tác giả trên, trong nhiều cuốn từ điển như *Từ điển thuật ngữ văn học* (Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi chủ biên); *Từ điển Văn học Việt Nam từ nguồn gốc đến hết thế kỷ* (Lại Nguyên Ân chủ biên) đều chia tuồng thành hai bộ phận là *tuồng đồ* và *tuồng pho*.

Qua đó chúng ta có thể thấy việc phân chia tuồng vẫn còn là vấn đề tranh cãi chưa có sự thống nhất, tuy nhiên đa số các nhà nghiên cứu cho rằng tuồng có hai loại là *tuồng đồ* và *tuồng pho*. Điều đáng buồn là kịch bản tuồng Nam Bộ chưa được bất cứ công trình nào giới thiệu cũng như phân loại. Vì vậy, trong bài viết này chúng tôi tập trung phân loại tuồng Nam Bộ trước năm 1945, dưới góc độ kịch bản văn học chứ không phải là loại hình biểu diễn nghệ thuật, dựa vào những văn bản đã phiên âm ra chữ Quốc ngữ mà chúng tôi sưu tầm được, chúng tôi chia kịch bản tuồng Nam Bộ thành các loại: *tuồng đồ, tuồng pho, tuồng hài*.

2. Một số thể loại kịch bản tuồng ở Nam

2.1. Tuồng đồ

Là loại truyện được sáng tác không theo tích truyện của Trung Quốc mà dựa trên một tích, sáng tác về một triều đại nào đó hay dựa vào một câu chuyện cổ tích dân gian. “Tuồng đồ” có một số kịch bản nổi tiếng như:

- ***Tuồng Sơn hậu***. Vở tuồng gồm có ba hồi. Có nhiều nghiên cứu cho rằng, vở tuồng được Đào Duy Từ sáng tác khi ông bỏ đất Bắc vào Nam, nhưng cũng có người cho rằng vở tuồng là sản phẩm của Lê Văn Khôi viết tặng cha nuôi là Lê Văn Duyệt. Hiện vở tuồng có nhiều văn bản vẫn còn được lưu giữ.

- ***Đinh Lưu Tú***. Vở tuồng có ba quyển, bản Hán Nôm khắc in năm Giáp Ngọ, niên hiệu Quang Tự (1894) do Phụng Du Lý, Minh Chương Thị đính chính. Hiện tuồng đã có hai bản phiên âm.

- ***Kim Long Xích Phụng*** *Kim Long Xích Phụng* (hay còn gọi *Kim Long Xích Phượng*) là một tuồng như kiểu *Tuồng Sơn hậu*, nghĩa là không dựa trên truyện Tàu mà do người đặt mô phỏng chỗ này một chút, chỗ kia một chút để viết nên. Tuồng gồm ba hồi, trong mỗi hồi có nhiều lớp. Theo nhà nghiên cứu Phạm Đức Duật trong bài viết *Văn học tuồng nước ta từ khi hình thành đến hết thế kỷ XIX* cho rằng *Kim Long Xích Phụng* là kịch bản tuồng tiêu biểu của Đặng Lễ Nghi.

- **Tuồng Lý Thiên Long.** Tuồng hát bội *Lý Thiên Long* là một vở tuồng có nguồn gốc lâu đời, vốn là một bản chữ Nôm chép tay, không được phổ biến rộng rãi. Năm 1912, cựu Chánh tổng Lê Quang Chiêu đem văn bản in ra chữ Quốc ngữ. Theo ông Lê Quang Chiêu vở kịch do ông Tổng đốc An Giang Cao Hữu Dực viết ra, về sau do ông Nguyễn Văn Hàng nhuận sắc. Khi phiên âm ra chữ quốc ngữ ông nhuận sắc một lần nữa cho trảng câu xứng đối rồi cho in.

- **Tuồng Gia Trường** (hay còn gọi là *Gia Tường*). Ông Nguyễn Dư Hoài trong phần giới thiệu cuốn sách có viết đây là truyện của “một ông Cũ -tử có danh tại Sa – đéc đặt ra nhiều lời trang nhã cũng đáng biên để lưu truyền cho hậu thế”. Ngoài ra trong cuốn *Từ điển Nghệ thuật hát bội* do GS. Nguyễn Lộc chủ biên có viết “Vở tuồng được luật sư Phan Văn Thiết sưu tầm và giới thiệu trên báo *Tân Văn* ở Sài Gòn, do ông chủ trì, từ số tháng 4 đến số tháng 8 năm 1935. Theo Phan Văn Thiết, tác giả vở tuồng này là ông Nhiêu Bá, người Sa Đéc, có viết tập thơ *Con Tấm, Con Cám*. Đây là vở tuồng viết về một câu chuyện có thật, nên khi nó được in ra trước đó, con cháu của Gia Tường (nhân vật chính trong vở) đã tìm cách mua hết để thiêu huỷ. Phan Văn Thiết vì muốn xuất bản cuốn *Thơ Văn Nam Kỳ* nên cố công lắm mới tìm được một bản”.

- **Tổng Từ Minh.** Vở tuồng gồm 3 hồi. Không rõ tác giả và thời điểm sáng tác. Bản Hán Nôm của vở tuồng nằm trong bộ tuồng Hát Bội do Thư viện Hoàng gia Anh tặng Thư viện Sài Gòn trước 1975, đến năm 2007 bản tuồng được Nguyễn Thị Thanh Xuân, Nguyên Kỳ phiên âm, Nguyễn Hiền Tâm đánh máy, đính chánh phần chữ Nôm. Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Thanh Xuân vở tuồng nói về một nhân vật họ Tô ở vùng chợ Lớn. Hiện nay, bản tuồng chữ Nôm và bản phiên âm đang được lưu trữ tại Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Lê Ngụy Khôi truyện** là vở tuồng gồm 3 hồi, không có tên tác giả. Ở Thư viện Sân khấu và trong bộ tuồng hát bội bằng chữ Hán Nôm của Thư viện Hoàng Gia Anh tặng Thư viện Sài Gòn năm 1971 (hiện là Thư viện Khoa học Tổng hợp) còn lưu trữ các bản bằng chữ Nôm.

- **Nhạc Hoa Linh.** Vở tuồng gồm 5 hồi, được thực hiện cuối thế kỷ 19. Không rõ tác giả và thời điểm sáng tác. Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Thanh Xuân, *Nhạc Hoa Linh truyện* đã thể hiện rất rõ vùng sông nước Nam Bộ. Những địa danh, Cầu Kênh, Thanh Đa, 18 khu vườn trầu.... cũng được nhắc tên trong nhiều vở tuồng. Năm 2000, vở tuồng được Nguyễn Văn Sâm phiên âm, Nguyễn Khắc Kham hiệu đính và Lê Văn Đặng bật và thực hiện chữ Nôm.

- **Võ Thành Lân.** Trong *Tổng tập văn học Việt Nam, Tập 15A*, trang 13 có đoạn viết

“tuồng *Võ Thành Lân* được diễn nhiều ở các tỉnh Nam Bộ và tác giả của nó chắc cũng là người Nam Bộ- Nội dung của vở này miêu tả cuộc đời chiến đấu kiên trì và vô cùng gian khổ của nhân vật *Võ Thành Lân* vì sự nghiệp phục quốc, có lúc anh này bị giặc đánh đuổi, chạy lên núi, đói phải ăn trái cây để sống; lúc khác bị giặc đánh đuổi chạy đến bờ sông, tưởng phải chết, nhưng.....bởi anh chiến đấu cho đại nghĩa nên được cá thần nổi lên đưa anh sang sông, thoát nạn. Về sau anh ta thắng được giặc và phục quốc. Dư luận trong ngành tuồng và khán giả tri thức trước đây cho rằng nội dung tư tưởng của vở này là nhằm ca tụng Nguyễn Ánh (Gia Long) – Từ đầu thế kỷ XX đến nay không thấy đoàn nào diễn vở này”.

- ***Tuồng Lục Vân Tiên***. *Tuồng Lục Vân Tiên* do ông Huỳnh Văn Ngà, tự Long Ân, quê ở Trà Vinh vì có lòng mến mộ đối với thơ *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu đã dịch ra bản tuồng này “tôi học hành không bao nhiêu mà thông chữ nghĩa. Song thấy thơ *Vân Tiên* hay lắm, nên dịch ra một bản tuồng cho chư tôn nhân lãm” (Theo lời tựa của bản tuồng). Năm 1915, vở *Tuồng Lục Vân Tiên* đã được in lần thứ nhất với 2000 cuốn tại nhà xuất bản F – H Schneider Imprimeur – Editeur, 31 trang. Vở tuồng được viết bằng chữ Quốc ngữ, dễ đọc, dễ hiểu, ngôn ngữ đời thường đậm chất Nam Bộ.

- ***Tuồng Lâm Sanh - Xuân Nương***. Cũng như nhiều kịch bản tuồng khác, vấn đề tác giả của nó cũng còn nhiều tồn nghi. Cho rằng vở tuồng này do ông Tống Phước Phổ soạn là ý kiến của nhiều trang mạng và cũng là ý kiến của Giáo sư Hoàng Châu Ký viết trong *Tổng tập văn học Việt Nam*, Tập 15A. Bên cạnh đó, trong cuốn *Tuồng dân gian Thừa Thiên Huế*, tác giả Tôn Thất Bình cho rằng *Lâm Sanh - Xuân Nương* là bản tuồng xuất xứ từ Huế. Nhưng trên *An Hà Nhật Báo* năm 1914 khi đăng kịch bản tuồng này lại đề tên tác giả là Huỳnh Văn Ngà (Trà Vinh). Đến năm 2007, ông Trần Xuân Hanh (Cà Mau) và ông Nguyễn Văn Sâm trong quá trình phiên âm, giới thiệu bản gốc chữ Nôm của vở tuồng này lại cho rằng vở tuồng đã xuất hiện vào thế kỷ XIX, và trong bản gốc đề nguyên tác là vô danh, gồm ba hồi, 81 trang. Cả hai ông đều khẳng định đây là một vở tuồng tiêu biểu của Nam Kỳ Lục tỉnh vì trong tác phẩm có sử dụng nhiều ngôn ngữ đặc trưng của vùng. Tuy nhiên, khi chúng tôi so sánh bản của ông Trần Xuân Hanh với bản của ông Tôn Thất Bình thì thấy hai bản có vài chi tiết khác nhau.

- ***Tuồng Trương Ngáo*** (tức *Người đi đòi nợ Phật*) là vở tuồng Nôm được khắc in Phật Trấn, Trung Quốc, năm 1878, được lưu trữ tại Thư viện Quốc gia Paris (Pháp). Đây là một bản tuồng hài Nam Bộ với những nhân vật bình thường trong xã hội, thể hiện những nhận thức của họ đối với đạo lý nhà Phật. Ngôn ngữ trong tuồng pha lẫn giữa ngôn ngữ của người Hoa ở vùng chợ Lớn với ngôn ngữ của Việt, thể hiện mối quan hệ giao lưu văn hoá, gần gũi giữa người Hoa với người bản địa.

- **Tuồng Trần Bồ** là một vở tuồng hài, một thể loại đặc trưng của vùng Nam Bộ. Bản chữ Nôm của vở tuồng đang được lưu trữ tại Thư viện Hoàng gia Vương quốc Anh, Viện Cổ học (1925), Thư viện Bảo Đại (1944). Tuồng được ông Đinh Thái Sơn, Nguyễn Khắc Huê, Bùi Quang Nho phiên âm in tại nhà in Phát Toán Imprimeur- Esditeur, Sài Gòn, năm 1907, 23 trang.

2.2. Tuồng pho

Tuồng pho (hay còn gọi là *tuồng truyện*) là những vở tuồng được sáng tác dựa theo các tích truyện của Trung Quốc. Một số kịch bản tuồng pho nổi tiếng của Nam Bộ hiện còn đã được dịch ra chữ Quốc ngữ như:

- **Nhạc Phi Diễn Bồn** là vở tuồng được khắc lại năm 1879 tại Gia Định, gồm 124 trang, được Nguyễn Văn Sâm phiên âm và giới thiệu năm 2008.

- **Tuồng Lục Văn Long**. Tuồng này còn có tên là *Tổng Lục Văn Long*, vở tuồng có hai hồi, do Đặng Lễ Nghi dịch. Năm 1928, tuồng *Lục Văn Long* được in lại lần thứ hai tại Nhà in Xưa nay, 25cm chi tiết... Số ĐKCB: KM5478 (25). Hiện nay, bản Hán Nôm đang được lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

- **Phụng Kiều Lý Đán** (tức *Đường Lý Đán diễn ca*) là một bản tuồng Nôm đặc sắc của kho tàng văn học Nam Kỳ Lục Tỉnh, thế kỷ 19. Bản Nôm được khắc in năm Quý Mùi (1883), gần 30 trang. Bản tuồng được Nguyễn Văn Sâm giới thiệu năm 1998 và phiên âm năm 2000.

- **Phong Thần Bá Ấp Khảo**. Nhà nghiên cứu Đỗ Đức Hiểu thi bản tuồng này của Trương Minh Ký. Nhưng ông Nguyễn Văn Sâm khi giới thiệu bản này lại đề rằng nguyên tác chữ Nôm, do ông Trương Minh Ký phiên âm vào năm 1896. Hiện nay, theo Trương Văn Bình, “Sách Hán Nôm lưu giữ ở Thư viện Leiden (Hà Lan), tạp chí Hán Nôm, số 2, năm 1992, tr. 57 – 69 có lưu giữ một bản *Phong Thần Bá Ấp Khảo*.”

- **Tuồng Hát bội Nôm đả hồi Tây Du ký**. *Tuồng Tây du* là một vở tuồng Nôm đồ sộ 100 hồi, khoảng 4000 trang, tất cả được viết bằng tay nên việc sao chép và phiên âm ra chữ quốc ngữ rất khó, đòi hỏi phải có một người tận tâm và có thời gian. Vở tuồng được lưu trữ tại Thư viện Trường Viễn Đông Bác Cổ ở Paris, là bản nguyên tác độc nhất. Hiện nay, Thư viện này đã tặng một bản sao chép cho Viện Hán Nôm (Hà Nội). Cho đến trước thập niên năm mươi, hầu như không có một tư liệu nào xác định rõ ràng về nguồn gốc, niên đại, cũng như chưa từng thấy có tài liệu nào bàn sâu về nó, cho nên tuồng *Tây du* vẫn là vở tuồng xa lạ đối với quảng đại công chúng. Năm 1952, Nguyễn Đình Triêm (cháu nội Nguyễn Đình Chiểu), khi giới thiệu tiểu sử Bùi Hữu Nghĩa trong quyển *Bùi Hữu Nghĩa – Thơ văn và vở tuồng Kim*

Thạch Kỳ Duyên có nhắc đến hai vở tuồng hát bội *Tây du* và *Mậu Tông* là của Bùi Hữu Nghĩa.

- ***Kim Thạch Kỳ Duyên***. Là vở tuồng nổi tiếng của Bùi Hữu Nghĩa, được viết vào năm 1863. Vở tuồng này đón nhận được sự quan tâm của giới nghiên cứu trên nhiều phương diện phiên âm, phê bình, nghiên cứu. *Kim Thạch Kỳ Duyên* có số phận khá may mắn vì văn bản không bị thất lạc như nhiều kịch bản khác. Hiện tại, có 9 văn bản được tìm thấy.

2.3. Tuồng công giáo

Là những vở tuồng viết về chủ đề công giáo và do các tác giả giáo dân sang tác. Tuy nhiên, các vở tuồng không được phổ biến cũng như nghiên cứu rộng rãi trong lịch sử văn học. Mặt khác, nhiều văn bản được chép là tuồng nhưng “cấu trúc của chúng mang tính chất của một vở kịch nói kiểu Tây phương hơn là vở tuồng cổ Đông phương”⁶. Vì vậy trước mắt chúng tôi chỉ giới thiệu văn bản ba vở tuồng công giáo mà chúng tôi đã có văn bản là *Tuồng Joseph*, *Tuồng Đa- vít thánh vương*, *Tuồng Ông Gióp*. Trong số những vở tuồng công giáo, *Tuồng Joseph* là vở tuồng của Trương Minh Ký, diễn đầu tiên ở Chợ Lớn ngày 13 tháng 7 năm 1887, bản bản in của nhà hàng Rey et Curiol, Sài Gòn năm 1888. Đây là vở tuồng hát đầu tiên viết và in bằng chữ Quốc ngữ đề tài Thiên Chúa giáo cũng rất xa lạ với đề tài truyền thống của hát bội. Nội dung chủ đề của vở tuồng là ở người ở hiền sẽ gặp lành. Mặc dù nhân vật được đặt tên theo Tây phương như Joseph, Jacob, Rachel ... nhưng lại phản ánh các đặc trưng của xã hội, con người Việt Nam, đậm chất dân gian của văn hoá Việt. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng ở Nam Bộ có nhiều vở tuồng công giáo, có nội dung nói về “nhân vật cự ưc, các bậc thánh nhân, lịch sử giáo hội, giảng giải giáo lý, khuyên răn luân lý, ca ngợi Tạo hoá”⁷.

⁶ Nhóm tác giả Khoa ngữ văn (1993), *Về sách báo của tác giả Công giáo (Thế kỷ XVII – XIX)*, Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 109.

⁷ Nhóm tác giả Khoa ngữ văn (1993), *Về sách báo của tác giả Công giáo (Thế kỷ XVII – XIX)*, Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 110.

3. Kết luận

Hệ thống kịch bản tuồng mà chúng tôi đề cập đến ở trên là những kịch bản đã được phiên âm ra chữ Quốc ngữ, còn rất nhiều kịch bản viết bằng chữ Hán Nôm chưa được giới thiệu nên đây chỉ là những bước phác thảo ban đầu sơ khai, còn rất nhiều thiếu sót, hạn chế. Ngoài ra, chúng tôi cũng chỉ hệ thống những kịch bản tuồng đã xác định được nguồn gốc, còn những vở kịch khuyết danh, những vở kịch dân gian chúng tôi chưa có điều kiện xem xét kỹ vấn đề nguồn gốc nên chưa đưa vào bài viết của mình để tránh nhầm lẫn. Tuy biết rằng, việc sưu tầm, tổng hợp và giới thiệu về kho báu tuồng Nam Bộ là một công việc lâu dài, cần sự góp sức của nhiều người và không tránh khỏi những sai lầm, thiếu sót trong bước đầu nghiên cứu, tìm hiểu nhưng chúng tôi vẫn muốn bước vào những thách thức này như là một bổn phận phải làm đối với việc giữ gìn, tiếp bước, phát huy những giá trị văn hoá của các bậc tiền nhân.

Kịch bản tuồng Nam Bộ có nội dung phong phú, phản ánh về các vấn đề chính trị xã hội thời bấy giờ. Nổi bật là chủ đề quân quốc với hai phe trung nịnh, những kẻ nịnh thần luôn tìm cách tiếm ngôi sau khi vua băng hà, trái lại các trung thần luôn tìm cách diệt nịnh bảo vệ ngai vàng cho con cháu của vua. Kết thúc kịch bản, phe chính nghĩa trung thành bao giờ cũng chiến thắng. Chủ đề tài tử giai nhân cũng là chủ đề được lặp đi lặp lại nhiều lần trong một số vở tuồng, nhân vật chính là một chàng trai văn võ song toàn, dùi mài kinh sử để mong đỗ đạt ra làm quan, họ gặp nhiều thử thách trong đường quan lộ nhưng cuối cùng họ luôn giành chiến thắng và kết hôn với người con gái mình yêu. Nhìn chung, các vở tuồng có nhiều mô típ khá giống nhau, kết quả người hiền lành, tốt bụng luôn gặp may và sống hạnh phúc, người xấu luôn gặp quả báo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lại Nguyên Ân chủ biên (2001), *Từ điển Văn học Việt Nam từ nguồn gốc đến hết thế kỷ XIX*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội
2. Lê Ngọc Cầu (Sưu tầm), Hồ Lăng (chú thích) (1980), *Tuồng hài*, Nxb. Văn hoá, 305tr.
3. Trần Văn Giàu, Trần Bạch Đằng (1998), *Địa chí Văn hoá Thành phố Hồ Chí Minh*, tập 3 – Nghệ thuật, Nxb. Tp. HCM.
4. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2006), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo dục, H.
5. Nguyễn Hữu Hiệp (1998), *Tản mạn về hát bội ở miền Nam*, Tạp chí *Xưa nay* (số đặc biệt); Tr. 46- 47.

6. Trần Văn Khải (1970), *Nghệ thuật sân khấu Việt Nam: Hát bội, cải lương, thoại kịch, thú xem diễn kịch*, S. Khai Trí.
7. Bùi Hữu Kiệm, *Theo dấu Bùi Hữu Nghĩa*, *Tạp chí Văn hữu*, tháng 12/1961, số 12, tr. 52.
8. Hoàng Châu Ký (1973), *Sơ khảo lịch sử nghệ thuật tuồng*, Nxb Văn hoá, H.
9. Hoàng Châu Ký (1978), *Tuồng cổ*, tập 1, Nxb. Văn hoá, H.
10. Hoàng Châu Ký (1994), *Tổng tập Văn học Việt Nam* (tập 15a), Nxb. Khoa học Xã hội.
11. Nguyễn Tô Lan (2009), *Sơ khảo văn bản Tuồng cổ hiện còn*, *Tạp chí Hán Nôm*, số (92); Tr. 18-28.
12. Nguyễn Lộc (chủ biên) (1998), *Từ điển nghệ thuật hát bội Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, H.
13. Đoàn Nồng (1943), *Sự tích và nghệ thuật hát bội*, Nhà in Mai Lĩnh, Huế.
14. Nguyễn Thị Nhung (1977), *Nghệ thuật tuồng truyền thống Nam Bộ và những đặc điểm về phong cách*, *Tạp chí Nghiên cứu nghệ thuật*, số 2, H.
15. Đinh Bằng Phi (2005), *Nhìn về sân khấu hát bội Nam Bộ*, Nxb Văn nghệ.
16. Mịch Quang (1963), *Tìm hiểu về nghệ thuật tuồng*, Nxb Văn hoá Nghệ thuật.
17. Xuân Yển (1994), *Những vấn đề thẩm mỹ, đạo lý, xã hội trong tuồng cổ*, Nxb Sân khấu.
18. Nhóm tác giả Khoa ngữ văn (1993), *Về sách báo của tác giả Công giáo (Thế kỷ XVII – XIX)*, Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN TÁC GIẢ:

-ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang

- Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia
Thành phố Hồ Chí Minh.

- ĐT: 0904 732 938

- Email: trangnguyen.hsht@gmail.com